

Bản án số: 114/2017/DS-PT
Ngày: 21-7-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Ông Nguyễn Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Bà Trần Hương Thủy,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2015/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2015 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2015/DS-ST, ngày 26 tháng 5 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 279/2017/QĐPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1934

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Lang: Ông Giang Minh C, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: Đường B, Phường 3, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2012) Xin vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bùi Khắc Toàn thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Tăng Quốc A, sinh năm 1934.

Địa chỉ cư trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Tăng Quốc A: Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 01/8/2015) Có mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1969;

2. NLQ2, sinh năm 1992;

3. NLQ3, sinh năm 1954;

Cùng địa chỉ cư trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. NLQ4, sinh năm 1959;

Địa chỉ cư trú: Đường P, phường 1, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4: Ông Giang Minh C, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: Đường B, khóm 3, phường 3, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2012; 4/5/2015; 9/6/2015) Có mặt.

5. NLQ5, sinh năm 1933 (chết ngày 20/02/2017)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của NLQ5:

5.1. Ông Ngô Tòng L, sinh năm 1959;

Địa chỉ cư trú: Đường P, phường 1, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

5.2. Ông Ngô Phước L, sinh năm 1954;

Địa chỉ cư trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Phước L, ông Ngô Tòng L: Ông Giang Minh C, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: Đường B, khóm 3, phường 3, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 6/3/2017; 8/3/2017) Xin vắng mặt.

6. NLQ6, sinh năm 1971;

7. NLQ7, sinh năm 1974;

8. NLQ8, sinh năm 1980;

9. NLQ9, sinh năm 1981;

10. NLQ10, sinh năm 1984;

11. NLQ11, sinh năm 1986;

12. NLQ12, sinh năm 1988;

13. NLQ13, sinh năm 1990;

14. NLQ14, sinh năm 1992;

15. NLQ15, sinh năm 1993;

16. NLQ16, sinh năm 1995;

17. NLQ17, sinh năm 1997;

Người đại diện hợp pháp của NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15, NLQ16, NLQ17: Bà La Thị S, sinh năm 1950. Cùng địa chỉ cư trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2012).

18. NLQ18.

Địa chỉ cư trú: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Tăng Quốc A là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/03/2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/6/2014 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Giang Minh C trình bày: Vào năm 1941 bà Huỳnh Thị T là mẹ của bà Lâm Thị Đ (bà ngoại của bà Nguyễn Thị L) có mua của ông Kim R diện tích 0,52 (5.200m²) đất thổ trạch; năm 1969 bà Huỳnh Thị T chết thì bà Lâm Thị Đ được thừa hưởng diện tích đất này và thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Đến ngày 12/9/1996 bà Lâm Thị Đ được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.320m², thửa 654, tờ bản đồ số 4, loại đất ở cây ăn quả và diện tích 3.120m² thửa 656, tờ bản đồ số 4, loại đất ở cây ăn quả, đất tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Tại thửa đất 654 ông Tăng Quốc A đã lấn chiếm để cất nhà máy chà gạo diện tích 137,2m² từ năm 1975 đến nay. Lúc còn sống bà Lâm Thị Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chưa giải quyết xong thì bà Lâm Thị Đ chết; nay bà Nguyễn Thị L là người thừa kế của bà Lâm Thị Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp. Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Tăng Quốc A và bà La Thị S cùng các con ông Tăng Quốc A trả lại cho bà Nguyễn Thị L diện tích đất 137,2m² nằm một phần diện tích 1.320m², thửa 654, tờ bản đồ số 4, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trường hợp nếu ông Tăng Quốc A có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất này thì yêu cầu ông Tăng Quốc A hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường 200.000 đồng/m².

Theo lời khai của bà La Thị S là người đại diện hợp pháp cho ông Tăng Quốc A trình bày: Trước đây gia đình bà ở xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; sau khi tiếp quản 1975 chỗ đất tranh chấp là đất trống bà không biết nguồn gốc đất của ai, vợ chồng bà đến cất nhà máy để chà gạo, khoảng 5 đến 6 năm gia đình bà đã di dời nhà máy sang nơi khác chỉ còn khung bao nhà máy như hiện nay. Khi cất nhà máy thì không ai ngăn cản tranh chấp, trước đây gia đình bà có sang lấp nâng cao mặt

bằng để làm nhà máy nhưng bà không xác định được bao nhiêu tiền. Do không am hiểu pháp luật nên trong quá trình sử dụng gia đình bà không có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Qua yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L bà không đồng ý trả đất cho bà Nguyễn Thị L cũng không đồng ý trả tiền giá trị quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông Giang Minh C mà bà yêu cầu tiếp tục sử dụng để sau này có chỗ cho con của bà ở (vì bà có nhiều người con chưa có chỗ ở). Đề nghị Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lâm Thị Đ.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 30/10/2014 ông Lê Thanh Bình đại diện theo ủy quyền của NLQ18 trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị L với 13 hộ có tổng diện tích chung 4.440m², thuộc các thửa 654, 656, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (trong đó có hộ ông Tăng Quốc A) do bà Lâm Thị Đ kê khai đăng ký vào ngày 25/7/1994 đã được Hội đồng đăng ký quyền sử dụng đất xã H xét cấp và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo qui định của Luật đất đai năm 1993. Việc bị đơn đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lâm Thị Đ là không có cơ sở.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2015/DSST ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông Giang Minh C yêu cầu bị đơn ông Tăng Quốc A hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích 137,2m², thửa 654, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T.

Buộc bị đơn ông Tăng Quốc A có trách nhiệm hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L bằng: 27.440.000 đồng (giao cho bà Nguyễn Thị L quản lý số tiền này theo quy định của pháp luật về quản lý di sản thừa kế).

Giao cho ông Tăng Quốc A được tiếp tục sử dụng diện tích 137,2m², thửa 654, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (trong đó phần đất hành lang lộ giới tạm giao là 34,7m²);

- Hướng Đông giáp thửa 655 có số đo: 23,30m;
- Hướng Tây giáp đường đất (nay là đường đal) có số đo: 23,30m;
- Hướng Nam giáp thửa 654 có số đo: 6,30m;
- Hướng Bắc giáp thửa 654 có số đo: 5,50m.

Vị trí diện tích 137,2m², thửa 654 được xác định theo trích lục đo đạc theo hiện trạng ngày 13/5/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T kèm theo bản án này.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, lệ phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/6/2015 ông Tăng Quốc A là bị đơn kháng cáo yêu cầu công nhận diện tích đất 137,2m², thuộc thửa 654, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

cho ông Tăng Quốc A và ông Tăng Quốc A không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đại diện cho bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị luật sư bào chữa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Diện tích đất 137,2m², thuộc thửa 654, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của bà Huỳnh Thị T. Sau khi bà Huỳnh Thị T chết bà Lâm Thị Đ đã đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn lấn chiếm cất nhà ở nên phải có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L là người thừa kế của bà Lâm Thị Đ. Án sơ thẩm đã vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Ý kiến của vị luật sư bào chữa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Diện tích đất 137,2m², thuộc thửa 654, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, do gia đình bên bị đơn sử dụng từ năm 1945 cho đến nay. Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận cho bà Lâm Thị Đ là không đúng. Khi cấp giấy Cơ quan chuyên môn không kiểm tra hiện trạng sử dụng chỉ căn cứ đơn xin cấp giấy quyền sử dụng đất mà không xem xét đến những hộ ở trên đất xem họ có đồng ý không. Theo báo cáo số 236 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện T là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của ông Tăng Quốc A xin được công nhận quyền sử dụng diện tích đất 137,2m², thuộc thửa 654, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T là có cơ sở để chấp nhận. Theo tư liệu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lâm Thị Đ là không đúng thủ tục, không đúng đối tượng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Tăng Quốc A, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận quyền sử dụng đất cho ông Tăng Quốc A. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Lâm Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng. Xét đơn kháng cáo của ông Tăng Quốc A là trong hạn luật định nghĩ nên chấp nhận. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm NLQ5 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chết nên Tòa án đưa ông Ngô Tòng L và Ngô Phước L là người thừa kế của NLQ5 tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của NLQ5.

[2]. Xét yêu cầu của ông Tăng Quốc A yêu cầu công nhận diện tích 137,2m², thuộc thửa 654, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T cho gia đình ông. Nhận thấy diện tích 137,2m² đất đang tranh chấp nằm một phần trong diện tích 1.320m², thuộc thửa 654, tờ bản đồ số 4, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Do bà Lâm Thị Đ đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo tư liệu đăng ký quyền sử dụng đất năm 1983 ông Nguyễn Văn C đăng ký 4.000m², tư liệu năm 1991 bà Lâm Thị Đ đăng ký 4.400m².

Theo quy định tại khoản 1, mục IV Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ quy định về đăng ký và thống kê đất: *“Để thực hiện thống nhất quản lý ruộng đất, tất cả các tổ chức và cá nhân sử dụng đất đều phải khai báo chính xác và đăng ký các loại ruộng đất mình đang sử dụng vào sổ địa chính của Nhà nước, Ủy ban nhân dân xã phải kiểm tra việc khai báo này”*.

Theo quy định của Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý ruộng đất quy định điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: *“Người sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi diện tích đất đang sử dụng được thể hiện đầy đủ trên bản đồ địa chính và được ghi vào sổ bộ địa chính”*. Qua hai lần kê khai đăng ký quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân xã H không kiểm tra lại thực tế việc kê khai đăng ký của ông Nguyễn Văn C và bà Lâm Thị Đ. Việc kê khai này chưa đúng quy định Nguyễn Văn C và bà Lâm Thị Đ không trực tiếp sử dụng đất mà đất do các hộ sử dụng trong đó có bà La thị S và Tăng Quốc A.

Theo hồ sơ xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lâm Thị Đ thì chỉ có đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 25/7/1994 theo tư liệu đăng ký đất năm 1983 thể hiện ông Nguyễn Văn C đăng ký kê khai thửa số 616, diện tích 2.800m²; Thửa số 615, diện tích 1.200m² ông Nguyễn Văn C chết các thừa kế của ông Nguyễn Văn C không có ủy quyền cho bà Lâm Thị Đ đăng ký kê khai thửa đất trên, gia đình của ông Tăng Quốc A cũng đang ở trong thửa đất này cũng không có văn bản đồng ý cho bà Lâm Thị Đ đăng ký quyền sử dụng thửa đất này, trong khi gia đình ông Tăng Quốc A ở trên thửa đất này từ năm 1975. Như vậy việc cấp quyền sử dụng đất diện tích 1.320m², thuộc thửa 654 cho hộ bà Lâm Thị Đ là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 36 luật đất đai năm 1993.

Theo báo cáo số 236/BC-UBND ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Lâm Thị Đ là không đúng trình tự thủ tục và không đúng chủ thể.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét yêu cầu kháng cáo của ông Tăng Quốc A là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tăng Quốc A, chấp nhận quan điểm của kiểm sát viên, sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, chấp nhận yêu cầu của ông Tăng Quốc A về việc yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 137,2m² nằm trong diện tích 1.320m², thuộc thửa 654, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho ông Tăng Quốc A quản lý sử dụng. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 137,2m² trong diện tích 1.320m², thuộc thửa 654, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Lâm Thị Đ.

[3]. Về án phí, lệ phí thẩm định, định giá: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 36 Luật đất đai năm 1993; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tăng Quốc A.

Sửa bản án sơ thẩm số 28/2015/DS-ST, ngày 26 tháng 5 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện T:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đòi diện tích 137,2m² trong diện tích 1.320m², thửa 654, tờ bản đồ số 4 mà hộ ông Tăng Quốc A đang sử dụng.

2. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 137,2m² trong diện tích 1.320m², thuộc thửa 654, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Lâm Thị Đ.

3. Công nhận cho ông Tăng Quốc A được tiếp tục sử dụng diện tích 137,2m², thửa 654, tờ bản đồ số 4, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (trong đó phần đất hành lang lộ giới tạm giao là 34,7m²).

- Hướng Đông giáp thửa 655 có số đo: 23,30m;
- Hướng Tây giáp đường đất (nay là đường đal) có số đo: 23,30m;
- Hướng Nam giáp thửa 654 có số đo: 6,30m;
- Hướng Bắc giáp thửa 654 có số đo: 5,50m.

Vị trí diện tích 137,2m², thửa 654 được xác định theo trích lục đo đạc theo hiện trạng ngày 13/5/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T kèm theo bản án này.

Ông Tăng Quốc A có quyền đến Cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L đã nộp 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005079 ngày 07/5/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T nên cần trừ. Hoàn trả 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Tăng Quốc A theo biên lai thu số 0010483 ngày 17/6/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5. Về lệ phí thẩm định, định giá: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 978.360 đồng. Bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng đủ nên không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung